

Quy định mới về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam

Ngày 07/8/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 219/2025/NĐ-CP quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (“Nghị định 219”). Nghị định 219 có hiệu lực thi hành từ ngày 07/8/2025 và thay thế Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ (“Nghị định 152”).

Nghị định 219 ra đời nhằm khắc phục những bất cập phát sinh trong quá trình thực hiện Nghị định 152, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người lao động nước ngoài (“NLĐNN”) cũng như người sử dụng lao động (“NSDLĐ”) của họ trong việc tuân thủ các quy định liên quan đến Giấy phép lao động (“GPLĐ”) tại Việt Nam. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi xin tóm tắt một số điểm mới đáng chú ý của Nghị định 2019 khi so sánh với Nghị định 152.

1. Sửa đổi điều kiện cấp GPLĐ

Trong 4 nhóm vị trí công việc của NLĐNN làm việc tại Việt Nam, ngoại trừ “Nhà quản lý”, Nghị định 219 đã sửa đổi điều kiện cấp GPLĐ của 3 nhóm vị trí công việc còn lại, cụ thể:

- “Giám đốc điều hành” thuộc nhóm “Người đứng đầu và trực tiếp điều hành một lĩnh vực của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp” giờ đây phải có ít nhất 3 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phù hợp với vị trí công việc mà NLĐNN dự kiến làm việc tại Việt Nam. (Trước đây, Nghị định 152 không quy định điều kiện này.)
- Với nhóm “Chuyên gia”, điều kiện phải đáp ứng chung là có bằng đại học trở lên hoặc tương đương và ít nhất 2 năm kinh

kinh nghiệm làm việc phù hợp với vị trí công việc mà NLĐNN dự kiến làm việc tại Việt Nam; riêng các chuyên gia làm trong các lĩnh vực đặc thù như: tài chính, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyên đổi sáng tạo gia hoặc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế – xã hội được bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban Nhân dân (“UBND”) cấp tỉnh xác định hoặc theo thỏa thuận hợp tác của Chính phủ Việt Nam, điều kiện phải đáp ứng là có bằng đại học trở lên trong chuyên ngành được đào tạo và có ít nhất 1 năm kinh nghiệm phù hợp với vị trí công việc mà NLĐNN dự kiến làm việc tại Việt Nam (Trước đây, theo Nghị định 152, chuyên gia được yêu cầu (i) có bằng đại học và có ít nhất 3 năm kinh nghiệm làm việc phù hợp hoặc (ii) có 5 năm kinh nghiệm và có chứng chỉ hành nghề phù hợp.)

- Với nhóm “Lao động kỹ thuật”, phải đáp ứng điều kiện: (i) được đào tạo ít nhất 1 năm và có ít nhất 2 năm kinh nghiệm phù hợp với vị trí công việc mà NLĐNN dự kiến làm việc tại Việt Nam; hoặc (ii) có ít nhất 3 năm kinh nghiệm làm việc phù hợp với vị trí công việc mà NLĐNN dự kiến làm việc tại Việt Nam. (Trước đây, theo Nghị định 152, lao động kỹ thuật phải (i) được đào tạo ít nhất 1 năm và có ít nhất 3 năm kinh nghiệm phù hợp hoặc (ii) có ít nhất 5 năm kinh nghiệm làm việc phù hợp.)

2. Sửa đổi thẩm quyền cấp GPLĐ và giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động

Trước đây, theo Nghị định 152, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Sở Lao động – Thương binh và Xã hội là cơ quan có thẩm quyền cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi GPLĐ và Giấy xác nhận không thuộc diện cấp GPLĐ (“XN Miễn GPLĐ”). Hiện nay, theo Nghị định 219:

- UBND cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền: (i) cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi GPLĐ và Giấy XN đối với NLĐNN làm việc cho NSDLĐ có trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh tại địa phương nơi NLĐNN dự kiến làm việc; và (ii) quyết định việc phân cấp cho cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi GPLĐ và XN Miễn GPLĐ.
- Trường hợp NLĐNN làm việc cho một NSDLĐ tại nhiều tỉnh,

thành phố trực thuộc Trung ương, UBND cấp tỉnh nơi NSDLĐ có trụ sở chính có thẩm quyền cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi GPLĐ và XN Miền GPLĐ. Như vậy, NLĐNN đã được cấp GPLĐ hoặc Giấy XN Miền GPLĐ trong trường hợp này được phép làm việc tại nơi làm việc, thành phố trực thuộc trung ương, tuy nhiên, trước mỗi lần NLĐNN di chuyển làm việc tại tỉnh/thành khác, NSDLĐ phải thông báo trước ít nhất 03 ngày làm việc đến UBND cấp tỉnh (hoặc cơ quan được UBND cấp tỉnh phân cấp) tại địa phương nơi NLĐNN dự kiến làm việc.

3. Sơ đồ phương thức thực hiện thủ tục xin cấp, cấp lại, gia hạn GPLĐ và XN Miền GPLĐ

Hiện tại, theo Nghị định 219, NSDLĐ có thể nộp hồ sơ trực tiếp tại Công Dịch vụ công quốc gia. Công Dịch vụ công quốc gia sẽ chuyển hồ sơ đến UBND cấp tỉnh (hoặc cơ quan được UBND cấp tỉnh phân cấp) để xem xét và cấp, cấp lại, gia hạn GPLĐ và XN Miền GPLĐ đối với NLĐNN. (Trước đây, theo Nghị định 152, chỉ có hình thức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính).

NSDLĐ nước ngoài, khi nộp hồ sơ để nghị cấp GPLĐ cho NLĐNN, có thể nộp kèm để nghị cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo quy định của NLĐNN bằng hình thức trực tiếp. Theo đúng trình tự, thủ tục, Công Dịch vụ công quốc gia sẽ chuyển hồ sơ đến (i) UBND cấp tỉnh (hoặc cơ quan được UBND cấp tỉnh phân cấp) để xem xét và cấp GPLĐ và (ii) cơ quan công an có thẩm quyền để xem xét và cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử sẽ được cơ quan công an có thẩm quyền gửi về để UBND cấp tỉnh (hoặc cơ quan được UBND cấp tỉnh phân cấp) thẩm định hồ sơ và trả kết quả là GPLĐ và Phiếu lý lịch tư pháp bằng bản điện tử cho NSDLĐ.

Đây là các quy định hoàn toàn mới của Nghị định 219 so với Nghị định 152 trước đây.

4. Bổ sung đối tượng người nước ngoài không cần giấy phép lao động

Ngoài 19 nhóm đối tượng được quy định tại Nghị định 152, Nghị định 219 bổ sung thêm 1 nhóm đối tượng là NLĐNN làm việc trong các lĩnh vực tài chính, khoa học, công nghệ, đối mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế – xã hội, được các bộ, cơ quan ngang bộ hoặc UBND cấp tỉnh xác nhận, vào danh mục các đối tượng người nước ngoài không cần GPLĐ tại Việt Nam.

Riêng với nhóm đối tượng NLĐNN là “Nhà quản lý”, “Giám đốc điều hành”, “Chuyên gia” và “Lao động kỹ thuật”, Nghị định 219 quy định chỉ có những người thuộc một trong các trường hợp sau, mới thuộc diện không cần GPLĐ tại Việt Nam:

- Vào Việt Nam làm việc có tổng thời gian dưới 90 ngày trong 01 năm, tính từ ngày 01 tháng 01 đến (hết) ngày cuối cùng của năm. (Trước đây, Nghị định 152 quy định thời gian làm việc dưới 30 ngày/lần và không quá 3 lần/năm).
- Di chuyển có thời hạn trong nội bộ doanh nghiệp nước ngoài đã thành lập hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam (bao gồm tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam; văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh) thuộc phạm vi 11 ngành dịch vụ theo biểu cam kết dịch vụ của Việt Nam với tổ chức thương mại thế giới (bao gồm: kinh doanh, thông tin, xây dựng, phân phối, giáo dục, môi trường, tài chính, y tế, du lịch, văn hóa giải trí và vận tải) và đã được doanh nghiệp nước ngoài tuyển dụng trước đó ít nhất 12 tháng liên tục. (Trước đây, Nghị định 152 không yêu cầu về thời gian đã làm việc cho doanh nghiệp nước ngoài).

Ngoại trừ các đối tượng nêu cụ thể dưới đây, NSDLĐ phải thực hiện theo tục lệ nghị cấp XN Miễn GPLĐ cho tất cả các đối tượng NLĐNN còn lại. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy XN có thể nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua Ủy quyền đơn Trung tâm Phục vụ hành chính công tại địa phương nơi NLĐNN dự kiến làm việc. Trung tâm Phục vụ hành chính công tại địa phương sẽ chuyển hồ sơ đơn UBND cấp tỉnh (hoặc cơ quan được UBND cấp

tình phân cấp) để xem xét và cấp XN Miễn GPLĐ.

Theo quy định của Nghị định 219, những đối tượng sau đây không thuộc các trường hợp phải làm thủ tục để nghị cấp XN Miễn GPLĐ:

- Vào Việt Nam với thời hạn dưới 03 tháng để thực hiện chào bán dịch vụ;
- Vào Việt Nam với thời hạn dưới 03 tháng để xử lý sự cố, tình huống kỹ thuật, công nghệ phức tạp nảy sinh làm ảnh hưởng hoặc có nguy cơ ảnh hưởng tới sản xuất, kinh doanh mà các chuyên gia Việt Nam và các chuyên gia nước ngoài hiện đang ở Việt Nam không xử lý được;
- Là luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của Luật Luật sư;
- Người nước ngoài kết hôn với người Việt Nam và sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam;
- Là chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn có giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên của công ty trách nhiệm hữu hạn;
- Là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên của công ty cổ phần;
- Người chịu trách nhiệm thành lập hiện diện thương mại; và
- Vào Việt Nam làm việc có tổng thời gian dưới 90 ngày trong 01 năm, tính từ ngày 01 tháng 01 đến (hết) ngày cuối cùng của năm.

Tuy nhiên, trong các trường hợp kể trên, NSDLĐ phải gửi Thông báo tới UBND cấp tỉnh (hoặc cơ quan được UBND cấp tỉnh phân cấp) nơi NLĐNN dự kiến làm việc, việc NLĐNN không thuộc các trường hợp phải làm thủ tục để nghị cấp XN Miễn GPLĐ. Thông báo nói trên phải được gửi ít nhất 3 ngày làm việc, trước ngày NLĐNN dự kiến bắt đầu làm việc tại Việt Nam. Đây là một quy định hoàn toàn mới của Nghị định 219 so với Nghị định 152.

5. Quy định mới về thu hồi GPLĐ và XN Miễn GPLĐ

Ngoài trường hợp GPLĐ hết hiệu lực theo quy định của Bộ luật

lao động, Nghị định 219 quy định rõ các trường hợp còn lại, theo đó GPLĐ sẽ bị thu hồi. Các trường hợp đó bao gồm: (a) NSDLĐ hoặc NLĐNN không thực hiện đúng quy định về cấp, cấp lại, gia hạn GPLĐ; và (b) NLĐNN trong quá trình làm việc ở Việt Nam không thực hiện đúng pháp luật Việt Nam mà bị khởi kiện, truy cứu trách nhiệm hình sự. (Trước đây, Nghị định 152 quy định một cách chung chung, như không thực hiện đúng quy định tại Nghị định này trong trường hợp (a) và làm ảnh hưởng tới an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong trường hợp (b).)

Là một quy định hoàn toàn mới so với Nghị định 152, Nghị định 219 lần đầu tiên quy định rõ các trường hợp XN Miền GPLĐ sẽ bị thu hồi. Các trường hợp đó bao gồm: (a) (NLĐNN) làm việc không đúng với nội dung trong XN Miền GPLĐ đã được cấp; (b) có văn bản thông báo của NSDLĐ tại nước ngoài về việc NLĐNN không tiếp tục làm việc tại Việt Nam; (c) NSDLĐ tại Việt Nam hoặc tại nước ngoài chấm dứt hoạt động; (d) NSDLĐ hoặc NLĐNN không thực hiện đúng quy định về cấp, cấp lại, gia hạn XN Miền GPLĐ; và (e) NLĐNN trong quá trình làm việc ở Việt Nam không thực hiện đúng quy định của pháp luật Việt Nam mà bị khởi kiện, truy cứu trách nhiệm hình sự.